

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105/2022/HS-ST**

Ngày: 22/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Thẩm phán: Ông Dương Lê Bửu Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Vân

Ông Trần Thanh Hùng

Bà Phan Thị Kim Tước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D: Ông Nguyễn Hoàng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh D xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 86/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 07 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 101/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần L, sinh năm 1975; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tại tỉnh D; Nơi đăng ký thường trú: 48/4, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Trần Đ, sinh năm 1940 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1947; có 11 anh, em, bị cáo là con thứ sáu; có vợ là Hoàng Thị Thu T, ly hôn năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 86/HSPT ngày 26/6/1995, Tòa án nhân dân tỉnh D xử phạt bị cáo 04 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bị bắt ngày 27/10/2021 - Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh D - Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo theo luật định:* Luật sư Lê Đình H
- VP Luật sư V - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh D - Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Hoàng Thị Thu T, sinh năm 1979 (đã chết);

Đại diện hợp pháp bị hại:

+ Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1955 (bố bị hại) - Có mặt;

+ Bà Đào Thị T2, sinh năm 1959 (mẹ bị hại) - Có mặt;

+ Anh Trần H, sinh ngày 07/12/2000 (con bị hại) - Vắng mặt;

+ Anh Trần Nhân D, sinh ngày 09/8/2003 (con bị hại) - Có mặt;

Cùng địa chỉ: 24/8, tổ 8A, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh D.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh H, anh D, ông T1:* Bà Đào Thị T2, sinh năm 1959, địa chỉ 24/8, tổ 8A, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh D (văn bản ủy quyền ngày 09/11/2021).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần P, sinh năm 1967 - Có mặt.

+ Bà Bùi Thị Thu T3, sinh năm 1972 - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần L và chị Hoàng Thị Thu T là vợ chồng, kết hôn từ năm 2000 đến năm 2018 thì ly hôn. Sau khi ly hôn, chị T cùng hai người con đến nhà mẹ ruột là bà Đào Thị T2 để ở thì L thường xuyên đến ở cùng với chị T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 29/01/2021, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 60B - 801.36 đi mua khoảng 01 lít xăng hết 20.000đ đựng vào trong can nhựa loại 02 lít bỏ vào trong cốp xe với mục đích để pha với sơn. Lực gọi điện thoại cho chị T hỏi mua sơn màu gì thì T nói “Không cần phải mua, anh về dọn đồ đi đi”. Nghe chị Trang nói vậy, Lực gọi điện thoại nhờ anh trai ruột là Trần P giúp L giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Sau đó, L chạy xe mô tô đi đến nhà thờ thánh Juse tại phường B chở anh P đi đến nhà chị T. L và anh P đi vào ngồi tại phòng khách nói chuyện với chị T một lúc thì L và chị T xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị T yêu cầu L ra khỏi nhà. L bực tức bỏ ra mở cốp xe mô tô biển số 60B - 801.36 lấy can nhựa đựng xăng đi vào trong phòng khách và nói với chị T “Anh chết trước mặt cho em vừa lòng”, nói xong L dùng tay trái quàng cổ kéo chị Trang sát vào người và tay phải cầm can xăng đã mở nắp sẵn đổ lên người của chị T và L, chị T vùng vẫy đẩy L ra để thoát thân làm cả hai té ngã

xuống ghế Salon. Lúc này trên tay L cầm điều thuốc lá hút dở đang còn cháy, Lực lấy điều thuốc tự châm vào người khiến lửa bùng cháy trên người của L và chị T. Thấy vậy, anh P xông vào can ngăn nên bị bỏng nhẹ ở tay, cổ và ngực. Lúc này chị Bùi Thị Thu T3 đang ngồi bán thuốc ở trước cửa nhà phát hiện trong nhà chị T bị cháy nên truy hô gọi hàng xóm đến dập tắt đám cháy đưa L và chị T đến Bệnh viện đa khoa tỉnh D cấp cứu. Sau đó chị T được chuyển đến Bệnh viện C Thành phố H để tiếp tục điều trị đến ngày 12/02/2021 thì chị T tử vong, còn L được chữa trị đến ngày 16/4/2021 thì xuất viện. Ngày 27/10/2021 L bị bắt tạm giam. Quá trình điều tra L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án gồm: Sản phẩm cháy trên ghế da và nền nhà phòng khách (xốp ghế và da ghế); 01 mảnh sản phẩm cháy (nghi bằng nhựa) trên ghế Salon bị cháy; 01 bình đựng nước nằm dưới nền nhà; 01 áo sơ mi màu trắng, sọc đen bị cháy xém; 01 hộp quẹt màu vàng (7cm x 2cm); 01 hộp thuốc lá hiệu “S”; 01 chai cồn 70 độ nhãn hiệu BiDoPha thể tích 1000ml; 01 chai cồn 70 độ nhãn hiệu B thể tích 500ml; 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu KIKVISIO, model: DS - 7204 HQHI - K1; SN: 152921299 (đã trả cho chủ sở hữu);

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 442/KLGD - PC09 ngày 18/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh D kết luận thương tích và nguyên nhân bà Hoàng Thị Thu T tử vong do: Dấu hiệu chính: Mũi, miệng có dịch màu đỏ chảy ra, da toàn thân phồng rộp, bong tróc, chảy dịch để lại nền da màu hồng, vàng, có chỗ màu đen. Khoang lồng ngực và ổ bụng có nhiều dịch màu hồng; hai phổi sung huyết, xuất huyết màu đỏ sẫm, nhu mô chắc, cắt qua có ít dịch máu chảy ra; tim xuất huyết, bao màng tim ngoài có dịch màu đỏ, các tạng khác xung huyết. Nguyên nhân tử vong: Bỏng nặng diện rộng 52% độ II, III (6% độ III), điều trị nội khoa ngày thứ 14 không hồi phục, biến chứng nhiễm trùng, suy đa cơ quan.

Tại kết luận giám định số 316/KLGD - PC 09 ngày 17/02/2021 của giám định viên phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh D kết luận: “Mẫu sản phẩm cháy trên ghế da và nền nhà (Xốp của ghế và da ghế) ký hiệu M1 được niêm phong gửi giám định có tìm thấy thành phần xăng, dầu; Mẫu nước màu nâu, ký hiệu M3 được niêm phong gửi giám định không phát hiện thành phần xăng, dầu. Mẫu áo sơ mi màu trắng, sọc đen bị cháy xém, ký hiệu M4 được niêm phong gửi giám định có tìm thấy thành phần xăng, dầu.

Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại Hoàng Thị Thu T là bà Đào Thị T2 yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí chữa trị thương tích và mai táng

200.000.000đ, tiền bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo chưa bồi thường.

Tịch thu tiêu hủy: Sản phẩm cháy trên ghế da và nền nhà tại phòng khách; 01 mảng sản phẩm cháy (nghi bằng nhựa) trên ghế salon bị cháy; 01 bình đựng nước nằm dưới nền nhà; 01 áo sơ mi màu trắng, sọc đen bị cháy xém; 01 hộp quẹt màu vàng; 01 hộp thuốc lá hiệu “Saigon Silver”; 01 chai còn 60 độ nhãn hiệu B thể tích 1000ml và 01 chai còn 70 độ nhãn hiệu B thể tích 500ml.

Tại bản Cáo trạng số 2710/CT-VKS-P2 ngày 04/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D đã truy tố bị cáo Trần Lực về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh D vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Trần L mức án từ 16 năm tù đến 18 năm tù. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, đề nghị xem xét, giải quyết theo Cáo trạng và xem xét trách nhiệm dân sự theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh và khung hình phạt theo Viện kiểm sát truy tố và trình bày: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vẫn thương yêu vợ con nên muốn hàn gắn tình cảm, đề nghị hội đồng áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và quyết định mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

Ý kiến của Đại diện hợp pháp bị hại bà Đào Thị T2: Bị cáo hứa thay đổi bản tính để hàn gắn tình cảm với vợ con nhưng không thực hiện mà thường xuyên nhậu rồi dùng dao đe dọa tính mạng bà và chị T. Bà đề nghị hội đồng xét xử áp dụng mức án nghiêm khắc nhất đối với bị cáo. Về dân sự, bà yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 200.000.000đ và tiền tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giam bị cáo rất ăn năn hối lỗi, bị cáo xin lỗi gia đình, bố mẹ và các con, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo thực hiện trong vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 29/01/2021, tại số nhà 24/8, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh D, do muốn hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý, bị cáo Trần L đã dùng khoảng 01 lít xăng đổ lên chị Hoàng Thị Thu T và người của L, rồi cầm điều thuốc lá đang còn cháy châm vào người khiến lửa bùng cháy làm chị T bị bỏng nặng điều trị đến ngày 12/02/2021 thì tử vong, còn L cũng cấp cứu, chữa trị đến ngày 16/4/2021 thì xuất viện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần L phạm tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tình chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây đau thương mất mát không thể bù đắp được cho gia đình chị T và cho chính các con của mình, gây bất an đối với quần chúng nhân dân tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo đã từng bị kết án, sau khi ly hôn, được mẹ chị T và chị T cho cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng bị cáo vẫn thường hay nhậu, đe dọa tính mạng chị T và mẹ chị T và nghi ngờ chị T có tình cảm với người khác. Khi chị T từ chối nối lại tình cảm, bị cáo đã sử dụng xăng là chất nguy hiểm đổ lên người mình và người chị T để giải quyết mâu thuẫn chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Sau khi phạm tội, bị cáo chưa bồi thường cho gia đình nạn nhân. Do vậy, cần áp dụng mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài nhằm răn đe bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa tiền án tiền sự, bản thân bị cáo cũng bị bỏng nặng là tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Tại đơn yêu cầu bồi thường ngày 20/12/2021 và tại phiên tòa, bà Đào Thị T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 200.000.000đ cụ thể như sau: Tiền viện phí tại Bệnh viện C 41.281.035đ; Tiền phẫu thuật, xét nghiệm 817.830đ; Tiền viện phí tại Bệnh viện D, tiền thuê xe 7.901.135đ; Tiền chi phí đám tang 63.600.000đ; Tiền chi phí mua đất huyết 20.000.000đ; Tiền chi phí xây mộ 66.400.000đ. Đối với tổn thất tinh thần, bà T2 đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với bộ bàn ghế nệm bị cháy thiệt hại không đáng kể, bà T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[4.2] Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường 200.000.000đ chi phí cứu chữa và chi phí mai táng theo yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại. Về tiền bù đắp tổn thất tinh thần, chị T là trụ cột gia đình, chết khi cha mẹ già yếu, các con đang tuổi ăn học là nỗi đau mất mát không thể bù đắp cho gia đình nạn nhân, do đó cần buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 100 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ = 149.000.000đ. Do vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại gồm bà Đào Thị T2, ông Hoàng Văn T1, anh Trần H, anh Trần Nhân D tổng cộng số tiền 349.000.000đ do bà Đào Thị T2 nhận thay.

5. Về xử lý vật chứng:

[5.1] Cần tịch thu tiêu hủy 01 mảng sản phẩm cháy trên ghế da và nền nhà tại phòng khách; 01 mảng sản phẩm cháy (nghi bằng nhựa) trên ghế salon bị cháy; 01 bình đựng nước nằm dưới nền nhà; 01 áo sơ mi màu trắng, sọc đen bị cháy xém; 01 hộp quẹt màu vàng; 01 hộp thuốc lá hiệu “Saigon Silver”; 01 chai còn 60 độ nhãn hiệu B thể tích 1000ml và 01 chai còn 70 độ nhãn hiệu B thể tích 500ml.

[5.2] Đối với xe mô tô 60B8 - 801.36 bị cáo sử dụng đến nhà chị T gây án không liên quan đến việc phạm tội cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu đúng quy định. Đối với 01 đầu ghi hình camera nhãn hiệu KIKVISIO, model: DS - 7204 HQHI - K1; SN: 152921299 đã trả cho chủ sở hữu đúng quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đối với đề nghị về mức hình phạt là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 17.450.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo **Trần L** phạm tội “**Giết người**”:

Xử phạt bị cáo **Trần L** 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần L để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Trần L phải bồi thường cho ông Hoàng Văn T1, bà Đào Thị T2, anh Trần H, anh Trần Nhân D số tiền 349.000.000đ (ba trăm bốn mươi chín triệu đồng) do bà Đào Thị T2 là người nhận thay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 BLHS 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy sản phẩm cháy trên ghế da và tại nền nhà phòng khách (xốp ghế và da ghế); 01 mảng sản phẩm cháy (nghi bằng nhựa) trên ghế salon bị cháy; 01 bình đựng nước nằm dưới nền nhà; 01 áo sơ mi màu trắng, sọc đen bị cháy xém; 01 hộp quẹt màu vàng (7cm x 2cm); 01 hộp thuốc lá hiệu “S”; 01 chai còn 60 độ nhãn hiệu B thể tích 1000ml và 01 chai còn 70 độ nhãn hiệu B thể tích 500ml (tất cả tang vật đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/7/2021 tại Cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh D).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 17.450.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đại diện hợp pháp bị hại có mặt được quyền kháng cáo theo luật định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh D (1);
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh D (1);
- Bị cáo - Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh D (1);
- Sở Tư pháp tỉnh D (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh D (1);
- Phòng Thi hành án hình sự Tòa án tỉnh (1);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh D (1);
- Lưu hồ sơ (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ký